

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Đầu tư xây dựng đường nối từ Quốc lộ 10 đến khu tái định cư
Đồng Hải, phường Hồng An (giai đoạn 1)**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỒNG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 21/6/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực Quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 285b/QĐ-UBND ngày 02/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Hồng An Về chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng đường nối từ Quốc lộ 10 đến khu tái định cư Đồng Hải, phường Hồng An (giai đoạn 1);

Xét đề nghị của Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Hồng An tại tờ trình 15.1/TTr-TTĐVSNC ngày 08/3/2026 về việc đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đầu tư xây dựng đường nối từ Quốc lộ 10 đến khu tái định cư Đồng Hải, phường Hồng An (giai đoạn 1);

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 45g/KTHT&ĐT ngày 09/03/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hồng An về việc thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đầu tư xây dựng đường nối từ Quốc lộ 10 đến khu tái định cư Đồng Hải, phường Hồng An (giai đoạn 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đầu tư xây dựng đường nối từ Quốc lộ 10 đến khu tái định cư Đồng Hải, phường Hồng An (giai đoạn 1) với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Đầu tư xây dựng đường nối từ Quốc lộ 10 đến khu tái định cư Đồng Hải, phường Hồng An (giai đoạn 1).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Hồng An.

3. Chủ đầu tư: Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Hồng An.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu:

Thực hiện cải tạo, chỉnh trang, phát triển hạ tầng đô thị tại các khu vực tập trung đông dân cư, các công trình trọng điểm của thành phố và phường. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình đường, ngõ, hệ thống điện chiếu sáng, công trình công cộng, thiết chế văn hoá phục vụ nhân dân theo Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 15/8/2025 của Đảng Bộ phường Hồng An nhiệm kỳ 2025-2030.

4.2. Quy mô

a) Quy mô xây dựng:

Đầu tư xây dựng đường nối từ Quốc lộ 10 đến khu tái định cư Đồng Hải, phường Hồng An (giai đoạn 1) có tổng chiều dài khoảng 262,71m. Quy mô thiết kế chủ yếu:

- Cải tạo, nâng cấp nền mặt đường cũ bằng bê tông nhựa; Xây dựng hệ thống cấp nước; Xây dựng hệ thống thoát nước mưa; Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng; Xây dựng hệ thống sơn vạch an toàn giao thông cho toàn tuyến;

- Mặt cắt ngang đường: Chiều rộng nền đường $B_n=14,50m$; chiều rộng mặt đường $B_m=13m$; Chiều rộng lề đường 1 bên khoảng $B_{lề}=1,50m$.

- Độ dốc ngang mặt đường thiết kế 2 mái: $i = 2.0\%$.

- Mặt đường thiết kế: Cấp cao A1, mặt đường bê tông nhựa; cường độ mặt đường thiết kế: $E_{yc} \geq 120 \text{ Mpa}$;

b) Giải pháp kỹ thuật :

*Thiết kế bình đồ

- Hướng tuyến thiết kế của tuyến đường cơ bản bám theo đường cũ, đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường; Tim đường dịch sang bên trái tuyến, không chế mép đường bên phải tuyến thiết kế cơ bản trùng với mép đường hiện trạng nhằm hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng vào diện tích đất khu công nghiệp hiện trạng.

- Thiết kế vuốt nối với tại điểm giao cắt với đường trục hiện có, các nhánh đường rẽ, ngõ dân sinh theo hiện trạng đảm bảo các phương tiện ra vào êm thuận.

*Thiết kế trắc dọc

+ Độ dốc dọc thiết kế có độ dốc $i_{min}=0,09\%$; $i_{max}=2,98\%$;

+ Cao độ đường đỏ thiết kế $H_{max}= +3.33m$, $H_{min}=+2.96m$

*Thiết kế trắc ngang

Bề rộng mặt đường thiết kế theo mặt đường trung bình $B_m \geq 13,0m$; Dốc ngang 2 mái $i=2,0\%$; Lề đường 1 bên khoảng 1,5m (tại các vị trí có mặt bằng)

*Thiết kế mặt đường: Mặt đường cấp cao A1

Kết cấu mặt đường mở rộng bê tông nhựa:

+ Mặt đường bê tông nhựa nóng - BTN C12.5 dày 5cm

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²

+ Mặt đường bê tông nhựa nóng - BTN C19 dày 7cm

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²

+ Móng CPDD loại 1 dày 18cm

+ Móng CPDD loại 2 dày 25cm

- Đất núi đầm chặt $K=0.98$ dày 50cm;

- Cát núi đầm chặt $K=0.95$ dày 50cm;

Kết cấu mặt đường tôn tạo, vuốt nối bê tông nhựa:

+ Mặt đường bê tông nhựa nóng - BTN C12.5 dày 5cm

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²

+ Mặt đường bê tông nhựa nóng - BTN C19 dày 7cm

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²

+ Móng CPDD loại 1 dày 18cm

+ Bù vênh mặt đường cũ bằng CPDD loại 1 dày trung bình 11cm.

Kết cấu mặt đường vuốt rẽ bê tông nhựa:

+ Mặt đường bê tông nhựa nóng - BTN C12.5 dày 5cm

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²

+ Mặt đường bê tông nhựa nóng - BTN C19 dày 7cm

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²

+ Bù vênh mặt đường cũ bằng CPDD loại 1 dày trung bình 10cm.

*Thiết kế hệ thống biển báo an toàn giao thông:

- Trên tuyến bố trí biển báo an toàn giao thông theo Quy chuẩn 41/2024-BGTVT về báo hiệu đường bộ. Chủ yếu bao gồm hệ thống sơn vạch, biển báo cụ thể:

- Sơn vạch tim đường phân chia 2 làn xe chạy ngược chiều; Sơn các loại vạch chỉ dẫn, cảnh báo khác theo quy định.

- Bố trí biển cảnh báo nguy hiểm, trên toàn tuyến tại các vị trí theo quy định.

- Hệ thống sơn vạch bằng sơn dẻo nhiệt dày 2mm, biển báo bằng thép tấm dán màng phản quang, cột biển báo bằng thép tròn sơn phản quang trắng đỏ.

- Thiết kế gờ chắn phòng hộ an toàn tại vị trí công hợp hiện trạng cọc D1, như sau:

+ Đục tẩy, tạo nhám bề mặt gờ chắn cũ

+ Khoan cấy thép D25, L=30cm, chiều sâu cấy thép 10cm, mật độ 1.0m/1 thanh

+ BTXM M250 đá 1x2 coi cao gờ chắn đầu công.

*Thiết kế hệ thống thoát nước:

- Thiết kế mới hệ thống công tròn BTCT D1000 đặt chìm trong lòng đường phía trái tuyến, tim công cách tim đường 4,99m.

- Bố trí ga thăm bằng BTCT M250 đá 1x2 kết hợp cửa thu trực tiếp và cửa thu gián tiếp qua hệ thống công D400 chảy vào ga thăm, khoảng cách ga trung bình 30m/vị trí; nước mặt đường theo dốc dọc, dốc ngang thông qua hố thu vào các ga thăm sau đó chảy vào hệ thống công D1000 thoát về cửa xả khu vực.

- Độ dốc dọc công D1000 thiết kế $i=0,1\%$ có hướng thoát về vị trí mương tiêu (cọc D1) hiện có trong khu vực.

- Kết cấu hệ thống thoát nước dọc như sau:

+ Công tròn BTCT D1000 sử dụng các ống công mua sẵn từ xưởng đúc bằng BTCT miệng bát, mác 300, đúc sẵn bằng công nghệ đúc rung lõi hoặc ly tâm, chiều dài L=2,50m/đốt - tải trọng cấp C. Mỗi nối công chèn joint cao su sau đó đắp vữa xi măng M100, dày 5cm. Móng công bằng các khối BTCT lắp ghép mác 200 đá 1x2, mật độ bố trí 3 khối móng cho mỗi đốt công 2,5m, giữa các khối móng đổ bê tông chèn M100 đá 2x4, bên dưới lót đệm cấp phối đá dăm loại 2 dày 10cm. Gia cố móng công bằng cọc tre D6-8, L=2.5m/cọc, mật độ 25 cọc/m. Đắp trả hố móng bằng cát, độ chặt $K=0,90$.

+ Công tròn BTCT D400 thu nước ngang đường sử dụng các ống công mua sẵn từ xưởng đúc bằng BTCT miệng bát, mác 300, đúc sẵn bằng công nghệ đúc rung lõi hoặc ly tâm, chiều dài L=2,50m/đốt - tải trọng cấp C. Mỗi nối công chèn joint cao su sau đó đắp vữa xi măng M100, dày 5cm. Móng công bằng các khối BTCT lắp ghép mác 200 đá 1x2, mật độ bố trí 3 khối móng cho mỗi đốt công

2,5m, giữa các khối móng đổ bê tông chèn M100 đá 2x4, bên dưới lót đệm cấp phối đá dăm loại 2 dày 10cm. Đắp trả hố móng bằng cấp phối đá dăm loại 2.

+ Hố ga thăm có kích thước lòng ga 1.9x1.2m, chiều cao ga thay đổi theo mỗi vị trí; Kết cấu ga bằng BTCT mác 250 dày 20cm đổ tại bãi đúc công trường, sau khi bê tông đạt đủ cường độ thì mang ra lắp đặt; Bên dưới là lớp đệm bê tông mác 100 dày 10cm và lớp đệm cấp phối đá dăm loại 2 dày 10cm; Đỉnh hố đặt tám đan BTCT đúc sẵn mác 250 dày 20cm; Nắp ga trong lòng bằng gang loại khung vuông âm, nắp tròn, KT khung (1000x1000x70)mm, nắp D800, tải trọng 40T.

+ Hố thu loại 1, loại 2 bằng BTCT M250 đá 1x2, đáy nắp hố thu bằng song chắn rác bằng composite KT 960x530 tải trọng 40T.

*Thiết kế cấp nước.

Thiết kế 02 đường ống chờ đặt song song, đường kính D110 khoảng cách giữa mép ngoài cùng 2 đường ống là 10cm, hai đầu ống được bịt lại và đặt trong ga chờ đầu nối.

Độ sâu chôn tuyến ống cách mặt đường thiết kế 1,37m, đặt trong lớp cát K95 nền đường, mép ngoài ống cách mép đường thiết kế 30cm.

Hệ thống đường ống cấp nước sử dụng ống HDPE-PN10 có đường kính D110.

Kết nối ống bằng hàn đảm bảo tiêu chuẩn ISO 13 – 1978.

Ống nhựa HDPE: được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427:1996 Nhựa PE100, kích thước, độ dày ống theo tiêu chuẩn DIN 8074:1999. Khi hàn đầu nối ống phải tuân thủ các quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất

Phụ tùng nhựa được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 3459, ISO 3458, ISO 3501, ISO 3503, DIN 8076, BS 5114: 1975. Vật liệu chế tạo phải đạt các tiêu chuẩn cần thiết và các quy định về cấp nước sạch cho sinh hoạt.

* Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng:

- Cột đèn bố trí 1 bên – phía bên trái tuyến, với khoảng cách cột trung bình 30m/vị trí. Cột đèn dùng loại cột thép bát giác côn rời cần đơn cao 12m (thân cột 10m, cần đèn 2m), độ vươn cần đèn 1,5m, góc nghiêng 15o, bóng đèn dùng bóng LED công suất 180W.

- Điều khiển hệ thống điện chiếu sáng cho khu vực bằng tủ điều khiển tự động đóng cắt bằng rơ le thời gian, có điều chỉnh chế độ đóng cắt theo mùa. Ngoài ra còn có chế độ ngắt lộ và vận hành được bằng tay giúp quá trình sửa chữa được thuận tiện, tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

- Nguồn cấp cho tủ điều khiển chiếu sáng được lấy từ cột điện hạ thế, từ tủ điều khiển kéo cáp đi các đèn.

- Cáp nối liên thông giữa các cột dùng cáp ngầm 00,6/1kV – Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x16mm². Toàn bộ cáp ngầm được luồn trong ống HDPE D65/50 và rải trong hào cáp.

- Dây lên đèn dùng dây Cu/PVC/PVC 3x1,5 mm².

- Móng cột: Móng cột đèn được đúc tại chỗ, bê tông móng đá 2x4#150, đặt sẵn ống nhựa luồn cáp trong móng. Cột đèn được cố định vào móng thông qua khung móng bằng thép chế tạo sẵn đặt trong móng.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Đô thị.

6. Địa điểm xây dựng: phường Hồng An, thành phố Hải Phòng

7. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông cấp IV.

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo phụ lục gửi kèm.

9. Tổng mức đầu tư (đã làm tròn): **8.558.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Tám tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu đồng*), trong đó:

- Chi phí xây dựng:	7.298.726.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	209.345.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	590.051.000 đồng;
- Chi phí khác:	85.900.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	373.978.000 đồng;

10. Thời gian thực hiện: Năm 2026-2027.

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

12. Hình thức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

13. Phương án xây dựng: Thực hiện theo hồ sơ thiết kế và dự toán do nhà thầu tư vấn lập đã được thẩm định.

14. Đơn vị thụ hưởng: Ủy ban nhân dân phường Hồng An.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Hồng An chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được duyệt ở Điều 1 của quyết định này theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình hiện hành; Thực hiện theo ý kiến của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Mục V, Văn bản 45g/KTHT&ĐT ngày 09/3/2026.

- Các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát Chủ đầu tư thực hiện đầu tư công trình theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Phó Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hồng An; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Hồng An; và các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Thanh

PHỤ LỤC I: DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN

(Kèm theo Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 9/3/2026 của UBND phường Hồng An)

Các quy chuẩn, tiêu chuẩn về khảo sát:

+ TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.

+ TCVN 4419:1987 - Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;

+ Quy phạm đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96 TCN 43 - 90.

+ TCCS 31: 2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

+ TCCS 41: 2022/TCĐBVN Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu;

+ TCVN 9401:2012 Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình;

+ QCVN 11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao;

+ Hệ tọa độ quốc gia VN2000, kinh tuyến trục 145°45', múi chiếu 3°.

+ Hệ cao độ lục địa.

Các quy chuẩn, tiêu chuẩn về thiết kế:

+ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

+ QCVN 07:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

+ TCVN 11823:2017 Tiêu chuẩn Quốc gia về thiết kế cầu đường bộ Việt Nam;

+ TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

+ TCVN 13592:2020 Đường đô thị - yêu cầu thiết kế;

+ TCCS 38:2022 /TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

+ TCCS 39:2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;

+ QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

+ TCVN 7887:2018 Màn phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ;

+ TCVN 10797: 2015 Sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn;

+ TCVN 7957:2008 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 9358:2012 Lắp đặt hệ thống nối đất, thiết bị công trình;

+ TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

+ TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng trong thi công và nghiệm thu:

+ TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối. Quy phạm thi công và nghiệm thu;

- + TCVN 9115:2019 Kết cấu bê tông và bê tông lắp ghép-Thi công và nghiệm thu;
- + TCVN 4085:2011 - Kết cấu gạch đá. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.
- + TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công;
- + TCVN 4252:2012 Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công;
- + TCVN 4447: 2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- + TCVN 9436:2012 Nền đường thi công - Thi công và nghiệm thu;
- + TCVN 8857: 2011 Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- + TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- + TCVN 13567-1:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- + TCVN 8820:2011 Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall;
- + TCCS 40:2022/TCĐBVN: Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông;
- + TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối. Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- + TCVN 9115:2019 Kết cấu bê tông và bê tông lắp ghép - Thi công và nghiệm thu;
- + TCVN 4085:2011 - Kết cấu gạch đá. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.
- + TCVN 9377:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - thi công và nghiệm thu;
- + QCVN 16:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- + TCVN 6477:2016 Gạch bê tông.
- + TCVN 9113:2012 Ống bê tông cốt thép thoát nước;
- + TCVN 8791:2018 Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu
- + TCVN 10799: 2015 Gói cống bê tông đúc sẵn;
- + TCVN 8818:2011 Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
- + TCVN 8860:2011 Bê tông nhựa - Phương pháp thử
- + TCVN 8817:2011 Nhũ tương nhựa đường axit - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
- + QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan khác.